TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 121/2026/QĐST-HNGĐ	*Lai Châu, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 137/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường P, tỉnh Lai Châu

- *Bị đơn*: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường P, tỉnh Lai Châu

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1981 và anh Trần Quốc T, sinh năm 1981.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Trần Quốc T thuận tình ly hôn.

2.2. Về việc nuôi con: anh Trần Quốc T và chị Hoàng Thị D có 02 con chung là cháu Trần Hoàng Yến N, sinh ngày 20/11/2003 và cháu Trần Đăng M, sinh ngày 24/9/2019. Chị D và anh T thỏa thuận về việc nuôi con như sau:

Chị Hoàng Thị D sẽ là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Đăng M cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, còn cháu Trần Hoàng Yến N hiện đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Hoàng Thị D và anh Trần Quốc T thỏa thuận anh Trần Quốc T là người cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể:

Mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng *(bằng chữ: năm triệu đồng)* cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Phương thức cấp dưỡng: Việc cấp dưỡng sẽ được anh T thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của chị Hoàng Thị D số: 0981056334 mở tại ngân hàng Viettin Bank - Chi nhánh Lai Châu.

Thời điểm cấp dưỡng: vào ngày 10 hàng tháng, tính từ ngày 10/6/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh Trần Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị D có đơn yêu cầu thi hành án, anh T chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.3. Về chia tài sản: chị Hoàng Thị D và anh Trần Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2.4. Về án phí***:** chị Hoàng Thị D và anh Trần Quốc T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh T phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, chị D tự nguyện nộp thay anh T số tiền án phí mà anh T phải nộp, anh T nhất trí. Tổng cộng chị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị D

đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0000134 ngày 17/3/2026 tại Phòng Thi hành án dân Khu vực 1- Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 1- Lai Châu;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Lai Châu;
- UBND phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân Anh